

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CĐ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-5-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ- TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thám.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Ngọc Mai

Ông Trần Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị B, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 3, xã LC, huyện CĐ, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Hồ Thanh T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp 3, xã LC, huyện CĐ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 10 tháng 01 năm 2022, nguyên đơn bà Phan Thị B trình bày: Bà và ông Hồ Thanh T kết hôn với nhau vào năm 1997 do tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện CĐ, tỉnh Long An ngày 17/12/2002. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống bên nhà vợ. Đến năm 2017, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do Ông T có quen một người phụ nữ khác và sống với nhau như vợ chồng, thường xuyên bỏ đi không về nhà, tiền bạc làm được chồng chỉ dùng tiêu xài một mình, không có phụ bà để lo cho con nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, gặp nhau là cãi vã, tình cảm dần lạnh nhạt, không sống chung được nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết bà được ly hôn với ông Hồ Thanh T. Vợ chồng có 2 con chung là cháu Hồ Phan Thanh Ngh, sinh ngày

04/8/1998 và cháu Hồ Thị Cẩm G, sinh ngày 13/3/2008, hiện cả hai đang sống với bà, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hồ Thị Cẩm G, không yêu cầu Ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung, đối với con chung là Hồ Phan Thanh Nghĩa đã trưởng thành và đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản: Sau khi kết hôn thì cha mẹ có cho một phần đất để cất nhà nhưng bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Bị đơn ông Hồ Thanh T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Phan Thị B và ông Hồ Thanh T có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã LC, huyện CD, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 117 quyền số 01/2002 ngày 17/12/2002 nên Hôn nhân là hợp pháp.

[1.2] Ông Hồ Thanh T là bị đơn, hiện nay đang cư trú tại xã LC, huyện CD, tỉnh Long An nên khi bà B có đơn khởi kiện ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CD, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.3] Bị đơn ông Hồ Thanh T được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị B:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà B nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông T do vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Ông T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày. Như vậy, Ông T không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà B. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà B và Ông T không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị B là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà B có hai con chung là Hồ Phan Thanh Ng, sinh ngày 04/8/1998 và Hồ Thị Cẩm G, sinh ngày 13/3/2008. Khi ly hôn bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Giang không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu G đang ở với bà B và có nguyện vọng ở với bà B. Đồng thời, Ông T không có ý kiến phản đối về việc bà B yêu cầu được nuôi con chung nên giao cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng cháu G là phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nên Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung là Hồ Phan Thanh Ngh đã trưởng thành và đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa bà B xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[2.4] Về nợ chung: Bà B xác định không có.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Phan Thị B đối với ông Hồ Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị B được ly hôn với ông Hồ Thanh T.

Về con chung: Giao cho bà Phan Thị B được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hồ Thị Cẩm G, sinh ngày 13/3/2008; Tạm thời ghi nhận ông Hồ Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí sơ thẩm: Bà Phan Thị B phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0005889 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CĐ, tỉnh Long An, bà B đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai, bà Phan Thị B có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Hồ Thanh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thám